



**RSM DTL Auditing**  
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
SƠN ĐỒNG NAI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013



# CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013.

### 1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai được thành lập từ việc chuyển đổi nhà máy Sơn Đồng Nai (Doanh nghiệp nhà nước thuộc Sở Công Nghiệp Đồng Nai) theo Quyết định số 4636/QĐ-TTG ngày 13/12/1999 của Chủ tịch UBND Tỉnh Đồng Nai.

Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 4703000004 ngày 01 tháng 03 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư Tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 28 tháng 12 năm 2012.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại đường số 7, Khu Công Nghiệp Biên Hoà 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 15.182.180.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30/6/2013 gồm:

- Chi Nhánh đặt tại Khu Công Nghiệp Yên Phong, Xã Long Châu, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh sản phẩm về sơn, keo. Xuất nhập khẩu, nguyên liệu và sản phẩm liên quan đến sơn và keo. Dịch vụ thi công về sơn.

### 2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Trịnh Minh Trương	Chủ tịch
Ông Hoàng Thuuyền	Phó chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Đức Nhiễn	Thành viên
Ông Đào Đình Đề	Thành viên
Ông Liu Chiên Hưng	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Trịnh Minh Trương	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Thuuyền	Phó Tổng Giám đốc

### 3. Tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2013

Các số liệu về tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2013 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được soát xét bởi Công ty kiểm toán DTL.

### 4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc giai đoạn tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

---

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

### 5. Kiểm toán viên

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 của Công ty.

### 6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bằng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Đồng Nai, ngày 10 tháng 08 năm 2013

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**TRỊNH MINH TRƯỜNG**



Số: 14.106/BCSX-2013

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Kính gửi: Các Cổ đông  
CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 6 năm 2013, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm 2013 của Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 04 đến trang 24 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2013

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL**



**KIỂM TÓNG GIÁM ĐỐC**

**KPHÓ TÓNG GIÁM ĐỐC**

**D.T.L**

**TẶNG QUỐC THẮNG**

Giấy chứng nhận hành nghề số  
0075-2013-026-1

**KIỂM TÓNG VIÊN**

**LỘ NGUYỄN THÚY PHƯƠNG**

Giấy chứng nhận hành nghề số  
1191-2013-026-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Th. minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>41.094.065.218</b>	<b>30.485.409.687</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>8.792.125.084</b>	<b>1.731.482.947</b>
1. Tiền	111		1.342.125.084	1.731.482.947
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.450.000.000	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	<b>5.2</b>	<b>20.357.951.796</b>	<b>18.722.626.262</b>
1. Phải thu khách hàng	131		17.705.174.924	16.059.457.734
2. Trả trước cho người bán	132		16.518.900	45.456.607
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		6.595.831.821	6.577.285.770
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(3.959.573.849)	(3.959.573.849)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.3</b>	<b>11.505.053.186</b>	<b>9.986.601.102</b>
1. Hàng tồn kho	141		11.642.028.683	10.123.576.599
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(136.975.497)	(136.975.497)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>438.935.152</b>	<b>44.699.376</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		317.402.273	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		65.033.867	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		56.499.012	44.699.376

(Phần tiếp theo trang 05)

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Th. minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>11.797.944.073</b>	<b>11.517.950.772</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>6.443.627.923</b>	<b>6.163.634.622</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	5.4	6.085.419.869	5.730.206.568
+ Nguyên giá	222		18.973.960.265	18.055.948.941
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.888.540.396)	(12.325.742.373)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227		-	-
+ Nguyên giá	228		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.5	358.208.054	433.428.054
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.6	<b>5.019.000.000</b>	<b>5.019.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		5.019.000.000	5.019.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>335.316.150</b>	<b>335.316.150</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	5.7	335.316.150	335.316.150
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>52.892.009.291</b>	<b>42.003.360.459</b>

102005  
**CÔNG**  
 NGHỆ  
 M T C  
 P. T  
 T. HỒ



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>26.691.489.644</b>	<b>16.611.229.121</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>26.344.613.884</b>	<b>16.264.353.361</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.8	12.076.580.115	1.875.407.726
2. Phải trả người bán	312	5.9	7.401.789.321	6.504.253.866
3. Người mua trả tiền trước	313	5.9	62.112.445	69.130.715
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.10	1.153.658.604	1.280.465.852
5. Phải trả người lao động	315	5.11	2.936.435.168	3.190.923.865
6. Chi phí phải trả	316	5.12	1.580.542.630	1.668.847.872
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.13	119.380.690	184.342.654
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.014.114.911	1.490.980.811
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>346.875.760</b>	<b>346.875.760</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.14	346.875.760	346.875.760
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B.VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>26.200.519.647</b>	<b>25.392.131.338</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.15	<b>26.200.519.647</b>	<b>25.392.131.338</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		15.182.180.000	15.182.180.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.797.002.823	3.434.620.723
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.015.475.355	2.015.475.355
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.073.763.923	1.073.763.923
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		4.132.097.546	3.686.091.337
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>52.892.009.291</b>	<b>42.003.360.459</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>	<b>Th. minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	260.051.215
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		738,40	738,40
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

NGƯỜI LẬP BIỂU



KIỀU THỊ THANH LOAN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRƯƠNG ĐÌNH DŨNG

Đồng Nai, ngày 10 tháng 07 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRỊNH MINH TRƯƠNG



# CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		55.099.917.693	44.560.550.554
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.875.472.808	837.487.297
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	53.224.444.885	43.723.063.257
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	39.628.460.666	33.844.784.253
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13.595.984.219	9.878.279.004
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	187.300.685	32.217.246
7. Chi phí tài chính	22	6.4	1.392.397.382	578.754.116
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		273.997.597	576.465.416
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	3.147.885.511	2.069.587.520
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	4.702.257.883	3.790.860.852
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.540.744.128	3.471.293.762
11. Thu nhập khác	31	6.7	165.013.193	151.043.769
12. Chi phí khác	32	6.8	108.040.179	65.172.418
13. Lợi nhuận khác	40		56.973.014	85.871.351
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.597.717.142	3.557.165.113
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	1.149.619.733	600.974.902
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.448.097.409	2.956.190.211
18. Lãi cơ bản trên cổ phần	70	5.16.4	2.271	1.947

NGƯỜI LẬP BIỂU

KIỀU THỊ THANH LOAN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRƯƠNG ĐÌNH DŨNG

Đồng Nai, ngày 10 tháng 07 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRỊNH MINH TRƯƠNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Th. minh</b>	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.597.717.142	3.557.165.113
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		791.321.839	737.026.636
Các khoản dự phòng	03		-	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(197.141.569)	(49.369.419)
Chi phí lãi vay	06		273.997.597	576.465.416
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		<b>5.465.895.009</b>	<b>4.821.287.746</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.712.159.037)	(3.393.404.691)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.518.452.084)	1.690.233.050
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(719.212.434)	(2.080.784.948)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(317.402.273)	(6.623.800)
Tiền lãi vay đã trả	13		(273.997.597)	(576.465.416)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.003.054.610)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(837.173.000)	(389.596.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(915.556.026)</b>	<b>64.645.942</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(147.205.455)	(785.189.464)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		18.181.818	23.736.364
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		181.376.411	25.633.055
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>52.352.774</b>	<b>(735.820.045)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		25.276.999.034	15.204.276.257
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(15.075.826.645)	(16.691.522.820)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.277.327.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>7.923.845.389</b>	<b>(1.487.246.563)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>7.060.642.137</b>	<b>(2.158.420.667)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>1.731.482.947</b>	<b>4.192.138.827</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>8.792.125.084</b>	<b>2.033.718.161</b>

NGƯỜI LẬP BIỂU



KIÊU THỊ THANH LOAN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRƯƠNG ĐÌNH DŨNG

Đồng Nai, ngày 10 tháng 07 năm 2013

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



TRỊNH MINH TRƯƠNG



# CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

### 1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là công ty) được thành lập từ việc chuyển đổi nhà máy Sơn Đồng Nai (Doanh nghiệp nhà nước thuộc Sở Công Nghiệp Đồng Nai) theo Quyết định số 4636/QĐ-TTG ngày 13/12/1999 của Chủ tịch UBND Tỉnh Đồng Nai.

Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 4703000004 ngày 01 tháng 03 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư Tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 28 tháng 12 năm 2012.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại đường số 7, Khu Công Nghiệp Biên Hoà 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 15.182.180.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30/6/2013 gồm:

- Chi Nhánh đặt tại Khu Công Nghiệp Yên Phong, Xã Long Châu, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh sản phẩm về sơn, keo. Xuất nhập khẩu, nguyên liệu và sản phẩm liên quan đến sơn và keo. Dịch vụ thi công về sơn

### 2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

#### 2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

#### 2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

#### 3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

#### 3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là chứng từ ghi sổ.

#### 3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013.

### 4. Các chính sách kế toán áp dụng

#### 4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

#### **4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

#### **4.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho**

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối kỳ, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

#### **4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

#### **4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình



# CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
+ Máy móc thiết bị	05 – 15 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 18 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07 năm

#### 4.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Giá trị vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là giá trị vốn góp được các bên tham gia liên doanh thống nhất đánh giá và được chấp thuận trong biên bản góp vốn.

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

Cuối kỳ, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

#### 4.7. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

#### 4.8. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

#### 4.9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.



# CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 4.10. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 4.11. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

#### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

#### Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 4.12. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

## 5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

### 5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	234.016.077	1.248.051.813
Tiền gửi ngân hàng	1.108.109.007	483.431.134
Các khoản tương đương tiền	7.450.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.792.125.084</b>	<b>1.731.482.947</b>

### 5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	17.705.174.924	16.059.457.734
Trả trước cho người bán	16.518.900	45.456.607
Các khoản phải thu khác	6.595.831.821	6.577.285.770
<b>Cộng các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>24.317.525.645</b>	<b>22.682.200.111</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(3.959.573.849)	(3.959.573.849)
<b>Giá trị thuần của các khoản phải thu</b>	<b>20.357.951.796</b>	<b>18.722.626.262</b>

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu đối tác IP (gia công, chi hộ)	3.026.041.364	2.742.860.674
Phải thu đối tác PPG (gia công, chi hộ)	2.639.939.227	2.204.681.051
Phải thu đối tác ICI (gia công, chi hộ)	927.586.814	1.627.276.129
Phải thu khác	2.264.416	2.467.916
<b>Cộng</b>	<b>6.595.831.821</b>	<b>6.577.285.770</b>

**5.3. Hàng tồn kho**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	5.933.128.222	6.645.591.132
Công cụ, dụng cụ	813.870.802	602.814.902
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	352.140.114	276.398.234
Thành phẩm	4.541.276.345	2.593.466.131
Hàng hóa	1.613.200	5.306.200
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>11.642.028.683</b>	<b>10.123.576.599</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(136.975.497)	(136.975.497)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện</b>	<b>11.505.053.186</b>	<b>9.986.601.102</b>

**5.4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	5.280.735.452	6.656.778.200	3.794.293.703	2.324.141.586	18.055.948.941
Mua trong kỳ	-	202.724.000	271.400.181	60.785.455	534.909.636
Đầu tư XDCB hoàn thành	614.042.164	-	-	-	614.042.164
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(206.250.000)	(24.690.476)	(230.940.476)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>5.894.777.616</b>	<b>6.859.502.200</b>	<b>3.859.443.884</b>	<b>2.360.236.565</b>	<b>18.973.960.265</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	4.644.883.405	4.308.029.328	1.935.694.652	1.437.134.988	12.325.742.373
Khấu hao trong kỳ	123.453.911	333.799.088	174.978.816	159.090.024	791.321.839
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(206.250.000)	(22.273.816)	(228.523.816)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>4.768.337.316</b>	<b>4.641.828.416</b>	<b>1.904.423.468</b>	<b>1.573.951.196</b>	<b>12.888.540.396</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	635.852.047	2.348.748.872	1.858.599.051	887.006.598	5.730.206.568
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>1.126.440.300</b>	<b>2.217.673.784</b>	<b>1.955.020.416</b>	<b>786.285.369</b>	<b>6.085.419.869</b>

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 8.110.054.631 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Máy pha màu	358.208.054	358.208.054
Máy trộn sơn tự động	-	54.320.000
Băng tải mâm xoay	-	20.900.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>358.208.054</b>	<b>433.428.054</b>

**5.6. Đầu tư tài chính dài hạn**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Đầu tư dài hạn khác	5.019.000.000	5.019.000.000
<b>Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn</b>	<b>5.019.000.000</b>	<b>5.019.000.000</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	-
<b>Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>5.019.000.000</b>	<b>5.019.000.000</b>

Đầu tư dài hạn khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu Công ty CP đầu tư Nhơn Trạch	81.900	819.000.000	81.900	819.000.000
Cổ phiếu Công ty CP Sonadezi Châu Đức	420.000	4.200.000.000	420.000	4.200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>501.900</b>	<b>5.019.000.000</b>	<b>501.900</b>	<b>5.019.000.000</b>

**5.7. Tài sản dài hạn khác**

Đây là khoản ký quỹ, ký cược nhằm mục đích thuê nhà xưởng tại khu công nghiệp Yên Phong Bắc Ninh theo hợp đồng thuê nhà xưởng số 58-2008/CTXD-HĐKT.

**5.8. Vay ngắn hạn**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay ngân hàng	12.076.580.115	1.875.407.726
<b>Tổng cộng</b>	<b>12.076.580.115</b>	<b>1.875.407.726</b>

Vay ngắn hạn là khoản vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC theo HĐTD số DNI 121613 ngày 20/11/2012, thời hạn vay 4 tháng, hạn mức tín dụng tương đương 600.000 USD, lãi suất suất bình quân là 7,5%/năm.

Mục đích các khoản vay này là bổ sung vốn lưu động, phục vụ sản xuất kinh doanh.

Khoản vay ngân hàng này được bảo đảm bằng các tài khoản phải thu khách hàng của Công ty với trị giá ít nhất 600.000 USD.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 5.9. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	7.401.789.321	6.504.253.866
Người mua trả tiền trước	62.112.445	69.130.715
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.463.901.766</b>	<b>6.573.384.581</b>

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

### 5.10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	439.600.088	828.058.740
Thuế xuất, nhập khẩu	44.281.746	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	456.329.226	309.764.103
Thuế thu nhập cá nhân	213.447.544	142.643.009
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.153.658.604</b>	<b>1.280.465.852</b>

### 5.11. Phải trả người lao động

Là khoản lương còn phải trả cho người lao động.

### 5.12. Chi phí phải trả

	Cuối kỳ	Đầu năm
Trích trước tiền thưởng doanh số	897.000.000	1.343.300.000
Trích trước chi phí chương trình du lịch hè cho khách hàng	470.000.000	-
Trích trước chi phí điện tại phân xưởng	210.486.530	187.547.872
Trích trước chi phí chiết khấu thương mại phải trả	3.056.100	138.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.580.542.630</b>	<b>1.668.847.872</b>

### 5.13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	19.008.870	150.000.000
Kinh phí công đoàn	11.800.021	30.853.945
Các khoản phải trả, phải nộp khác	88.571.799	3.488.709
<b>Tổng cộng</b>	<b>119.380.690</b>	<b>184.342.654</b>

### 5.14. Phải trả dài hạn khác

Là khoản đặt cọc của Công ty PPG cho hợp đồng thuê đất tại chi nhánh Bắc Ninh.

(Phần tiếp theo ở trang 18)



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.15. Vốn chủ sở hữu**

**5.15.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Quý khác	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	15.182.180.000	2.709.856.523	1.653.093.255	711.381.823	2.559.148.749	22.815.660.350
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	7.247.642.001	7.247.642.001
Trích quỹ	-	724.764.200	362.382.100	362.382.100	(2.628.798.013)	(1.179.269.613)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(3.491.901.400)	(3.491.901.400)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>15.182.180.000</b>	<b>3.434.620.723</b>	<b>2.015.475.355</b>	<b>1.073.763.923</b>	<b>3.686.091.337</b>	<b>25.392.131.338</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	3.448.097.409	3.448.097.409
Trích quỹ	-	362.382.100	-	-	(724.764.200)	(362.382.100)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(2.277.327.000)	(2.277.327.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>15.182.180.000</b>	<b>3.797.002.823</b>	<b>2.015.475.355</b>	<b>1.073.763.923</b>	<b>4.132.097.546</b>	<b>26.200.519.647</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.15.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	4.555.440.000	4.555.440.000
Vốn góp của các đối tượng khác	10.626.740.000	10.626.740.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>15.182.180.000</b>	<b>15.182.180.000</b>

**5.15.3. Cổ phần**

	Kỳ này	Kỳ trước
▪ Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	1.518.218	1.518.218
▪ Số lượng cổ phần đã bán ra	1.518.218	1.518.218
▪ Số lượng cổ phần được mua lại	-	-
▪ Số lượng cổ phần đang lưu hành	1.518.218	1.518.218
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

**5.15.4. Lãi cơ bản trên cổ phần**

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	3.448.097.409	2.956.190.211
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	1.518.218	1.518.218
<b>Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)</b>	<b>2.271</b>	<b>1.947</b>

**6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh**

**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán hàng	55.001.742.693	44.449.995.554
Doanh thu cung cấp dịch vụ	98.175.000	110.555.000
Chiết khấu thương mại	(1.682.658.680)	(461.686.438)
Hàng bán bị trả lại	(192.814.128)	(375.800.859)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>53.224.444.885</b>	<b>43.723.063.257</b>

**6.2. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn của hàng đã bán	39.628.460.666	33.844.784.253
<b>Tổng cộng</b>	<b>39.628.460.666</b>	<b>33.844.784.253</b>

**6.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	181.376.411	25.633.055
Doanh thu hoạt động tài chính khác	5.490.322	4.219.888
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	433.952	2.364.303
<b>Tổng cộng</b>	<b>187.300.685</b>	<b>32.217.246</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Chiết khấu thanh toán	1.079.898.095	-
Chi phí lãi vay	273.997.597	576.465.416
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	38.501.690	2.288.700
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.392.397.382</b>	<b>578.754.116</b>

### 6.5. Chi phí bán hàng

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, CCDC	696.520.421	609.112.590
Chi phí xúc tiến thương mại	1.732.102.383	983.714.504
Chi phí dịch vụ mua ngoài	196.556.204	202.531.273
Chi phí bằng tiền khác	522.706.503	274.229.153
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.147.885.511</b>	<b>2.069.587.520</b>

### 6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, CCDC	252.131.923	360.331.498
Chi phí nhân công	2.538.342.923	2.077.090.465
Chi phí khấu hao tài sản cố định	173.560.426	145.048.612
Chi phí thuế phí và lệ phí	116.972.117	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác bằng tiền	1.621.250.494	1.208.390.277
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.702.257.883</b>	<b>3.790.860.852</b>

### 6.7. Thu nhập khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Thu từ xử lý vật tư, hàng hóa thừa	144.284.883	111.649.628
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	18.181.818	23.736.364
Thu nhập khác	2.546.492	15.657.777
<b>Tổng cộng</b>	<b>165.013.193</b>	<b>151.043.769</b>

### 6.8. Chi phí khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Tiền phạt vi phạm hành chính	3.516.098	12.172.000
Thanh lý tài sản cố định	2.416.660	-
Xử lý hao hụt vật tư thiếu	102.107.421	50.314.182
Chi phí khác	-	2.686.236
<b>Tổng cộng</b>	<b>108.040.179</b>	<b>65.172.418</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	4.597.717.142	3.557.165.113
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	761.790	12.172.000
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<b>Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính</b>	<b>4.598.478.932</b>	<b>3.569.337.113</b>
Trong đó		
Thu nhập được miễn thuế của chi nhánh Bắc Ninh	-	135.194.822
Thu nhập chịu thuế suất 25%	4.598.478.932	3.434.142.291
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.149.619.733	858.535.574
Thuế được giảm theo NQ13 ngày 10/05/2012	-	(257.560.672)
<b>Chi phí thuế TNDN phải nộp trong kỳ</b>	<b>1.149.619.733</b>	<b>600.974.902</b>

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế.

### 6.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	29.020.177.724	27.314.289.186
Chi phí nhân công	10.200.752.367	7.918.271.966
Chi phí khấu hao tài sản cố định	791.321.839	737.026.636
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.017.771.826	2.048.951.376
Chi phí khác bằng tiền	5.472.132.398	2.001.387.155
<b>Tổng cộng</b>	<b>49.502.156.154</b>	<b>40.019.926.319</b>

### 7. Báo cáo bộ phận

Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty hoàn toàn tại Việt Nam, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực đại lý cần thiết phải thuyết minh.

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh bởi vì lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai là sản xuất và mua bán sơn. Báo cáo kết quả kinh doanh đã thể hiện rõ doanh thu, chi phí và lợi nhuận của hoạt động này.

### 8. Thông tin về các bên có liên quan

- Thủ lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Giám đốc:

	Kỳ này	Kỳ trước
Thủ lao Hội đồng quản trị và ban kiểm soát	163.500.000	68.040.000
Lương Ban Giám đốc và các nhân viên chủ chốt khác	388.607.016	395.396.370
<b>Tổng cộng</b>	<b>552.107.016</b>	<b>463.436.370</b>

### 9. Công cụ tài chính

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.11

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2013	01/01/2013
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.792.125.084	1.731.482.947
Phải thu khách hàng và phải thu khác	19.942.030.014	18.549.154.723
Đầu tư dài hạn	5.019.000.000	5.019.000.000
Ký quỹ, ký cược	335.316.150	335.316.150
<b>Tổng cộng</b>	<b>34.088.471.248</b>	<b>25.634.953.820</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	12.076.580.115	1.875.407.726
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	7.767.673.951	7.001.129.626
Chi phí phải trả	1.580.542.630	1.668.847.872
<b>Tổng cộng</b>	<b>21.424.796.696</b>	<b>10.545.385.224</b>

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/06/2013	01/01/2013	30/06/2013	01/01/2013
Đô la Mỹ (USD)	-	63,720	738,40	738,40

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### ▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

### ▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

30/06/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	7.420.798.191	346.875.760	7.767.673.951
Chi phí phải trả	1.580.542.630	-	1.580.542.630
Các khoản vay	12.076.580.115	-	12.076.580.115
01/01/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	6.654.253.866	346.875.760	7.001.129.626
Chi phí phải trả	1.668.847.872	-	1.668.847.872
Các khoản vay	1.875.407.726	-	1.875.407.726

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/06/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	18.549.154.723	-	18.549.154.723
Tài sản tài chính khác	-	5.019.000.000	5.019.000.000
Ký quỹ, ký cược	-	335.316.150	335.316.150



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

01/01/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	19.942.030.014	-	19.942.030.014
Tài sản tài chính khác	-	5.019.000.000	5.019.000.000
Ký quỹ, ký cược	-	335.316.150	335.316.150

**10. Các sự kiện sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

**11. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 10 tháng 07 năm 2013

Đồng Nai, ngày 10 tháng 07 năm 2013

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**KIỀU THỊ THANH LOAN**

**TRƯƠNG ĐÌNH DŨNG**

**TRỊNH MINH TRƯỜNG**